Phụ lục 1

MỨC CHI KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH THI ĐẤU THỂ THAO, CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI, TRỢ CẤP ĐẲNG CẤP ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 11/2011/HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. Về chi khen thưởng hỗ trợ thành tích thi đấu các giải thể thao quốc tế trong hệ thống thi đấu thế giới

Ngoài chế độ tiền thưởng theo quy đinh tại Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên được tập trung tập huấn và thi đấu đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chi cho các huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các giải thể thao quốc tế.

Nhằm động viên, khích lệ tinh thần các vận động viên yên tâm cống hiến cho phong trào thể thao của thành phố và nâng cao thành tích của thể thao Cần Thơ thưởng hỗ trợ thêm cho vận động viên 50% và huấn luyện viên được thưởng 25% so với mức thưởng quy định tại Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, mức cụ thể như sau:

ĐVT: triệu đồng

Stt	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	**Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới**				
1	Đại hội Olympic	80	40	30	Được cộng thêm 30 triệu
2	Đại hội Olympic trẻ	30	15	12,5	Được cộng thêm 12,5 triệu
3	a) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	42,5	22,5	17,5	Được cộng thêm 27,5 triệu
	b) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	30	17,5	15	Được cộng thêm 15 triệu
II	**Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục**				
1	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	35	17,5	15	Được cộng thêm 12,5 triệu
2	Đại hội thể thao bãi biển châu Á, Đại hội thể thao Võ thuật - trong nhà châu Á	25	12,5	10	Được cộng thêm 10 triệu
3	a) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu của Olympic)	30	15	12,5	Được cộng thêm 12,5 triệu
	b) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thi còn lại)	25	12,5	10	Được cộng thêm 10 triệu
III	**Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực**				
1	Đại hội thể thao Đông Nam Á	22,5	12,5	10	Được cộng thêm 7,5 triệu
	a) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	20	10	7,5	Được cộng thêm 7,5 triệu

2	b) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II (các môn còn lại)	15	7,5	5	Được cộng thêm 5 triệu

2. Về trợ cấp đẳng cấp cho vận động viên

Đẳng cấp vận động viên	Mức trợ cấp/ tháng			
	Không đạt huy chương	Đạt HCV giải VĐQG	Đạt HCB giải VĐQG	Đạt HCĐ giải VĐQG
Cấp I	250.000 đồng	400.000 đồng	350.000 đồng	300.000 đồng
Dự bị kiện tướng	300.000 đồng	500.000 đồng	400.000 đồng	350.000 đồng
Kiện tướng	450.000 đồng	600.000 đồng	550.000 đồng	500.000 đồng
Phá kỷ lục Quốc gia và đạt huy chương giải Vô địch Quốc gia		Được cộng thêm 600.000 đồng		

- Thời gian hưởng là 12 tháng kể từ ngày được quyết định phong cấp.

3. Về chế độ đãi ngộ đối với vận động viên tài năng đạt thành tích tại các giải trong hệ thống thi đấu chính thức

STT	Vận động viên đạt thành tích	Mức trợ cấp (người/tháng)
1	Đạt huy chương Olympic và giải vô địch thế giới	12.000.000 đồng
2	Đạt huy chương Olympic trẻ và giải vô địch thế giới trẻ	8.400.000 đồng
3	Đạt huy chương Đại hội Thể thao châu Á, Đại hội Thể thao châu Á trong nhà và Giải vô địch châu Á	6.000.000 đồng
4	Đạt huy chương giải trẻ châu Á	4.200.000 đồng
5	Đạt huy chương Đại hội Thể thao Đông Nam Á và Giải vô địch Đông Nam Á	2.400.000 đồng
6	Đạt huy chương giải trẻ Đông Nam Á	1.200.000 đồng

- Thời gian hưởng là một chu kỳ của giải, kể từ ngày lập thành tích./.